

✓ QUAN HỆ TRUNG QUỐC - VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XXI NHÌN TỪ NHÂN TỐ NĂNG LƯỢNG

ĐỖ MINH CAO – NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

Tóm tắt: Năng lượng là vấn đề mang tính toàn cầu. Năng lượng là khía cạnh quan trọng không chỉ đối với sự phát triển của mỗi nước mà còn có tác động đến mỗi quan hệ song phương và đa phương giữa các nước với nhau. ý nghĩa này cũng nổi lên trong quan hệ Trung- Việt. Bài viết tập trung phân tích khía cạnh năng lượng trong quan hệ Trung- Việt trên 3 lĩnh vực chính: 1. Năng lượng và chính trị; 2. Năng lượng và kinh tế; 3. Năng lượng và an ninh.

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài “Chiến lược an ninh năng lượng Trung Quốc và tác động tới Việt Nam” do NAFOSTED tài trợ.

Từ khóa: Quan hệ Trung- Việt, năng lượng

Đầu thế kỷ XXI, quan hệ Trung- Việt nói chung không có những đột biến. Năm 2000, hai nước đã ký Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch Việt Nam Trần Đức Lương tháng 12 năm 2000. Quan hệ hai nước đầu thế kỷ 21 xác lập phương châm “16 chữ” và tinh thần “Bốn tốt”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, trong lịch sử và cả trong những thời gian gần đây, trong quan hệ hai nước có nhiều thăng trầm. Hai nước “có nhiều việc phải làm để tiến thêm một bước trong việc củng cố quan hệ láng giềng

hữu nghị, tăng cường lòng tin, đẩy mạnh hợp tác thực chất cùng có lợi, thúc đẩy quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc phát triển hướng về tương lai tốt đẹp”⁽²⁾.

Với ý nghĩa này, bài viết đi sâu phân tích những thuận lợi và khó khăn, những tồn tại cần giải quyết trong quan hệ hai nước, đặc biệt nhấn mạnh khía cạnh năng lượng.

1. Năng lượng và chính trị

Khía cạnh năng lượng trong quan hệ Trung- Việt có ý nghĩa quan trọng trước hết liên quan đến lĩnh vực chính trị. Chúng thể hiện trên 3 vấn đề chính:

Một là, nhu cầu năng lượng của Trung Quốc thiếu hụt nghiêm trọng

Những năm gần đây, Trung Quốc trở nên đầy mạnh mẽ về mọi mặt, đặc biệt là kinh tế. Năm 2010, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, chỉ sau Mỹ⁽³⁾. Đằng sau sự thành công này, là một loạt vấn đề mà Trung Quốc phải đối mặt. Trước hết đó là nhu cầu về nguồn năng lượng tăng cao, đặc biệt về dầu lửa và khí đốt.

Về dầu lửa. Tháng 3/ 2012, Trung Quốc nhập khẩu 5,55 triệu thùng/ngày, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước và là mặt hàng nhập khẩu có giá trị lớn thứ 3 của nước này. Lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc tháng 3/2012 đã giảm 5,8% so với mức kỷ lục 5,89 triệu thùng/ngày trong tháng 2/2012. Trung bình quý I/2012, nhập khẩu dầu tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước lên 5,66 triệu thùng/ngày, gần gấp 2 tốc độ tăng 6% đạt được trong cả năm 2011⁽⁴⁾.

Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) dự báo, lượng dầu mỏ nhập khẩu của Trung Quốc sẽ tăng gấp 5 lần, từ 2 triệu thùng dầu mỗi ngày lên gần 11 triệu thùng dầu mỗi ngày vào năm 2030. Điều đó đồng nghĩa với việc Trung Quốc sẽ buộc phải nhập khẩu 80% lượng dầu mỏ tiêu dùng trong nước⁽⁵⁾. Báo cáo Triển vọng năng lượng thế giới 2030 của BP (1.2012) cho thấy, đến năm 2030, Trung Quốc sẽ trở thành quốc gia tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới⁽⁶⁾.

Về khí đốt. Từ năm 2010 trở đi, sản xuất khí đốt trong nước của Trung Quốc sẽ không đủ để đáp ứng nhu cầu. Trung Quốc

bắt đầu nhập khẩu khí đốt tự nhiên hoá lỏng (LNG) vào năm 2007 ngay khi nhà máy LNG đầu tiên tại Quảng Đông được hoàn thành. Sau đó, một loạt các nhà máy loại này ở vùng duyên hải cũng sẽ đi vào hoạt động. Đến năm 2025, lượng khí đốt nhập khẩu sẽ chiếm khoảng 40% tổng lượng tiêu dùng của Trung Quốc⁽⁷⁾.

Hai là, trữ lượng dầu, khí, băng cháy tại Biển Đông chưa được kiểm định.

Cục quản lý thông tin năng lượng Mỹ (EIA) tính toán, trữ lượng dầu thô ở khu vực Biển Đông khoảng 7 tỷ thùng, sản lượng khai thác hàng ngày 2,5 triệu thùng. Cục thăm dò địa chất Mỹ (USGS) chỉ rõ, trữ lượng khí thiên nhiên ở khu vực Biển Đông khoảng gấp đôi trữ lượng dầu thô. Theo họ, chỉ riêng vùng Bãi Cỏ Rong (Reed Bank), kế sát với Philippin và nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của nước này nhưng lại bị nước yêu sách khác cho rằng thuộc vùng biển đang tranh chấp, có thể có khoảng từ 0.1 – một nghìn tỷ m³ (3.4 – một nghìn tỷ feet khối) và 440 triệu thùng dầu tiềm năng⁽⁸⁾. Do nhu cầu về năng lượng trong khu vực ngày càng tăng cạnh tranh về nguồn tài nguyên này sẽ ngày một căng thẳng và do đó Biển Đông sẽ chắc chắn trở thành một điểm nóng trong khu vực trừ phi các bên đạt được các dàn xếp nhanh chóng nhằm điều hoà và quản lý tranh chấp và xung đột.

Tháng 4-2012, Cục Quản lý thông tin năng lượng Mỹ (EIA) đưa thông tin nói rằng, trữ lượng dầu khí tại Biển Đông hiện có khoảng 11 tỷ thùng dầu và 190

nghìn tỷ feet khối (khoảng 5.400 tỷ mét khối) khí đốt tự nhiên⁽⁹⁾.

Các nhà khoa học Trung Quốc cho rằng, "trữ lượng dầu và khí tại Biển Đông có thể đạt tới 3,5 tỷ tấn (tương đương với hơn 25 tỷ thùng dầu thô) ... Đó là một trong những nơi có kho tàng tài nguyên khổng lồ của Trung Quốc, và cực kỳ quan trọng cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc"⁽¹⁰⁾. Nghiên cứu của Quân đội Trung Quốc (PLA) cho là, vùng Biển Đông sở hữu "trữ lượng dầu mỏ phong phú tương đương với vùng Trung Đông."⁽¹¹⁾

Theo ước tính, vùng Biển Đông được xác định có trữ lượng dầu mỏ khoảng 7,7 tỷ thùng dầu (barrel), trữ lượng khí đốt khoảng 266 nghìn tỷ feet khối. Thời báo Hoàn cầu của Trung Quốc mới đây khẳng định Biển Đông có trữ lượng 50 tỉ tấn dầu thô, hơn 20.000 tỉ mét khối khí đốt, gấp 25 lần trữ lượng dầu và 8 lần trữ lượng khí đốt hiện có của nước này⁽¹²⁾.

Có đánh giá của Trung Quốc cho rằng, trữ lượng dầu khí ở Biển Đông khoảng 213 tỷ thùng, trong đó trữ lượng dầu tại quần đảo Trường Sa có thể lên tới 105 tỷ thùng. Với trữ lượng này và sản lượng khai thác có thể đạt khoảng 18,5 triệu tấn/năm duy trì được trong vòng 15 - 20 năm tới⁽¹³⁾. Theo số liệu của CNOOC đưa ra tháng 11 năm 2012, trữ lượng dầu mỏ tại Biển Đông lên đến 125 tỷ thùng và khí đốt là 14.158 tỷ m³⁽¹⁴⁾. Trung Quốc tuyên bố đã tìm thấy băng cháy ở Bắc Biển Đông từ năm 2007, với trữ lượng ước tính khoảng 19,4 tỉ m³⁽¹⁵⁾. Những nghiên cứu khác của Trung Quốc đánh giá, vùng Biển Đông có hơn 200

cấu tạo dầu khí, khoảng 180 mỏ dầu khí. Riêng tại bốn địa Tăng Mẫu, bốn địa Sabah, bốn địa Vạn An (Tu Chính) đã có trữ lượng gần 20 tỷ tấn dầu thô, là một trong những khu vực có trữ lượng dầu khí lớn nhất trên thế giới chưa được khai thác, trong đó hơn 1 nửa nằm trong vùng biển chủ quyền của Trung Quốc (?)⁽¹⁶⁾.

Rõ ràng trữ lượng nguồn nguyên nhiên liệu tại Biển Đông là chưa được kiểm định.

Ba là, ý đồ chinh trị của Trung Quốc trong vấn đề năng lượng

Thiếu hụt nguồn nhiên liệu và trữ lượng nguồn nguyên nhiên liệu chưa kiểm định tại Biển Đông được Trung Quốc sử dụng với mục tiêu chính trị.

Trong thời gian gần đây, tình hình nội bộ tại Trung Quốc thật phức tạp. Làn sóng bạo loạn, ly khai trong các cộng đồng sắc tộc thiểu số ở các vùng biên cương ngày một gia tăng tại Tây Tạng, Tân Cương..., làn sóng phản ứng xã hội diễn ra ở khắp nơi, từ Nội Mông đến Quảng Châu, từ những vùng nông thôn cho đến Bắc Kinh, Thượng Hải,... Vấn đề Biển Đông chính là cái cớ để Đảng và Chính phủ Trung Quốc làm giảm nhẹ những căng thẳng nội bộ trên. Qua vấn đề Biển Đông, Trung Quốc đạt được những mục tiêu sau: Một là, Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện họ là lực lượng lãnh đạo dân tộc để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc, từ Tây Tạng, Tân Cương đến Đài Loan và Biển Đông. Con bài chủ nghĩa dân tộc được sử dụng thành công trong việc phân đối Mỹ và phương Tây trong các vấn đề dân chủ, nhân quyền, can thiệp vào

các vấn đề Tây Tạng, Tân Cương và Đài Loan, và gần đây nhất là bảo vệ tàu và ngư dân Trung Quốc bị Nhật Bản bắt, phản đối cái gọi là “Việt Nam gây hấn tại Biển Đông”. Hai là, với tư cách là đảng cầm quyền và lãnh đạo, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã giúp các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tài nguyên chiến lược từ Mỹ La-tinh đến châu Phi, Trung Đông và các khu vực xung quanh Trung Quốc, đặc biệt là nguồn dầu lửa và nguồn thủy sản tại Biển Đông. Bắc Kinh ngày càng quyết liệt và mạnh bạo hơn trong hoạt động thăm dò dầu khí ở Biển Đông, kiểm soát và ngăn chặn hoạt động của các quốc gia khác ở vùng biển này. Ba là, giải quyết một số cạnh tranh giữa các lực lượng, phe phái chính trị trong nội bộ Trung Quốc. Gần đây, một số lực lượng hiếu chiến tại Trung Quốc, từ các nhân vật cấp cao, thuộc hàng tướng trong quân đội Trung Quốc đến các nhà khoa học đã có những kêu gọi dạy cho Việt Nam và Philippin một bài học⁽¹⁷⁾. Bốn là, Trung Quốc thể hiện quyết tâm thực hiện chiến lược hải dương xanh vươn ra biển lớn hoàn thành mục tiêu chiến lược toàn cầu, mặc dù chưa khi nào công khai thể hiện. Biển Đông là mấu chốt, là điểm khởi đầu quan trọng trong chiến lược “chuỗi Ngọc trai”, kết nối các đảo mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, Đông Hải (Hoa Đông) và Biển Nhật Bản cùng với các đảo và những cơ sở cấu cảng khác của Trung Quốc trải rộng từ Hải Nam tới Trung Đông. “Chuỗi Ngọc trai” sẽ giống như một vành đai bao quanh rất nhiều đất liền châu Á. Những

khu vực này chính là lợi ích an ninh quốc gia mà Trung Quốc tin là sống còn với cả sứ mệnh bảo vệ vùng biển cũng như chi phối châu Á - Thái Bình Dương⁽¹⁸⁾.

Như vậy, với vấn đề Biển Đông, Trung Quốc tạm thời làm “nhật hóa” một số vấn đề đối nội.

Các nhà nghiên cứu nước ngoài cho rằng, chính sách biển của Trung Quốc không phải chỉ để làm bá chủ đường giao thông trên mặt biển và chiếm đoạt nguồn hải sản trong lòng biển mà còn nhằm tóm thâu toàn bộ tài nguyên dầu khí dưới đáy biển. Nhà báo John C.K Daly của tạp chí mạng Oilprice.com nói, thực sự không ai rõ Biển Đông chứa bao nhiêu dầu, bao nhiêu khí đốt vì hải quân Trung Quốc gây sự, đuổi tất cả tàu thăm dò của nước ngoài. Tàu thăm dò địa chấn Bình Minh 2 của Việt Nam cũng từng là nạn nhân của Trung Quốc. Nhà phân tích Mỹ dự báo: “Dù ước lượng của EIA ít ỏi, dù Biển Đông có 11 tỷ thùng dầu hay 200 tỷ thùng thì không ai bỏ đi cả⁽¹⁹⁾”.

Việc Trung Quốc sử dụng sự thiếu hụt nguồn nhiên liệu tiêu dùng trong nước gắn với nhân tố trữ lượng nguồn nguyên nhiên liệu tại Biển Đông chưa kiểm định được với mục tiêu chính trị đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ Trung-Việt.

2. Năng lượng và kinh tế

Trong quan hệ Trung - Việt những năm gần đây, Trung Quốc đã thu được nhiều lợi ích trong thương mại đối ngoại. Lĩnh vực năng lượng là một ưu thế lớn của Trung Quốc so với Việt Nam. Giống như Trung Quốc, Việt Nam cũng thiếu hụt năng lượng. Nhu cầu xây dựng thêm nhiều

nhà máy nhiệt điện, kể cả thủy điện của Việt Nam được Trung Quốc nắm bắt rất “kịp thời” và thu được những kết quả gần như mong muốn.

Trung Quốc có nhiều vốn, có “kinh nghiệm” đấu thầu tại Việt Nam. Các công ty năng lượng Trung Quốc đã là chủ thầu của rất nhiều công trình nhiệt điện và thủy điện tại Việt Nam.

Số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cho thấy bức tranh tổng thể về việc các nhà thầu Trung Quốc thắng thầu các dự án điện lực tại Việt Nam. Trong vòng 10 năm trở lại đây các nhà thầu Trung Quốc luôn thắng thế ở các dự án điện, nhiệt điện, xây lắp, phân bón, hóa chất... Cụ thể, nhà thầu Trung Quốc đã trúng thầu 13 dự án nhiệt điện than (dưới dạng EPC - chia khóa trao tay), chiếm gần 30% công suất toàn ngành điện⁽²⁰⁾.

Năm 2007, Tập đoàn điện khí Thượng Hải Trung Quốc (SEC) đã nhận thầu EPC cho cả 2 công trình nhiệt điện Quảng Ninh 1 và Quảng Ninh 2 với giá trị mỗi gói EPC khoảng trên 400 triệu USD. Tháng 10/2009, SEC tiếp tục được EVN tín nhiệm với gói thầu khổng lồ hơn, trị giá 1,3 tỷ USD tại dự án nhiệt điện Vĩnh Tân 2. Tương tự, Tập đoàn Đông Phương Trung Quốc liên doanh với Marubeni Nhật Bản năm 2009, chỉ nhận gói thầu tới 500 triệu USD ở dự án nhiệt điện Hải Phòng 1. Tuy nhiên, đến tháng 3/2010, tập đoàn này đã tiếp tục trúng gói thầu EPC trị giá tới 1,4 tỷ USD tại dự án nhiệt điện Duyên Hải 1. Gói thầu lớn nhất là gói EPC cho dự án Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương do Tập đoàn tư nhân Tân Tạo làm chủ đầu tư. Gói thầu này trị giá tới gần 2 tỷ USD và

thuộc về Tập đoàn China Huadian Engineering (CHEC) của Trung Quốc, được ký kết hồi tháng 7-2010. Bên cạnh đó, những “thương hiệu Trung Quốc” quen thuộc trong ngành điện Việt Nam từ năm 2007-2008, là Tập đoàn Cấp Nhì Tân (HPE), Tập đoàn xây dựng Chengda, SFECO, Tổng công ty thiết bị nặng Trung Quốc (CHMC). Ở vai trò mua bán và đầu tư điện, không thể không nhắc tới công ty Vân Nam Trung Quốc⁽²¹⁾. Công ty Trung Quốc còn nhận được dự án Duyên Hải 3, cũng với công suất 1.200 MW nhưng giá thầu là 1,3 tỉ đô la Mỹ và lắp đặt thiết bị của Trung Quốc⁽²²⁾. Tổ hợp nhà thầu GED và AE&E trúng thầu dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 thuộc loại lớn nhất Việt Nam ở tỉnh Hà Tĩnh, công suất 1.200 MW là một trong những dự án điện trọng điểm quốc gia, có tổng vốn đầu tư 1,2 tỷ đô la⁽²³⁾. Ngoài ra, Trung Quốc còn thắng thầu xây dựng một số dự án nhiệt điện khác tại Việt Nam.

Số liệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cũng cung cấp một bức tranh khá đặc biệt về việc các nhà thầu Trung Quốc thắng thầu các dự án nhiệt điện tại Việt Nam. Bức tranh chỉ rõ, trong số 7 nhà máy nhiệt điện đốt than do Tập đoàn TKV làm chủ đầu tư hoặc quản lý, có 4 gói thầu EPC được đấu thầu rộng rãi quốc tế (trong đó, có 3 nhà thầu Trung Quốc, 1 nhà thầu Nhật Bản thắng thầu); có 2 gói thầu chỉ định thầu cho nhà thầu Trung Quốc và 1 gói thầu đấu thầu hạn chế trong các nhà thầu Trung Quốc. Như vậy, nhà thầu Trung Quốc giành được 6/7 hợp đồng xây dựng nhà máy nhiệt điện đốt than do Tập đoàn TKV làm chủ đầu tư hoặc quản lý.

Xét toàn bộ các gói thầu EPC nhiệt điện đốt than do TKV, EVN và PVN làm chủ đầu tư hoặc quản lý thì có 8 gói thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi quốc tế, 8 gói thầu chỉ định thầu và 1 gói thầu đấu thầu hạn chế trong số các nhà thầu Trung Quốc. Trong 8 gói thầu đấu thầu rộng rãi quốc tế thì có 4 nhà thầu Trung Quốc, 3 nhà thầu Nhật Bản và 1 nhà thầu liên danh Nhật Bản+Trung Quốc trúng thầu (nhà thầu Marubeni+Đông Phương). Về chỉ định thầu, có 5 nhà thầu Trung Quốc, 2 nhà thầu Việt Nam và 1 nhà thầu liên danh Nhật Bản+Trung Quốc được lựa chọn. Nếu tính nhà thầu liên danh Marubeni+Đông Phương như 1 nhà thầu Trung Quốc thì nhà thầu Trung Quốc có tới 12 trong tổng số 17 hợp đồng EPC (chiếm 70%). Trong số 12 gói thầu này, có 6 gói thầu được chỉ định thầu cho nhà thầu Trung Quốc, 1 gói thầu đấu thầu hạn chế trong các nhà thầu Trung Quốc và 5 gói còn lại (đấu thầu rộng rãi quốc tế) nhà thầu Trung Quốc trúng thầu. Con số 70%, mặc dù thấp hơn tỷ lệ 90% như một số tờ báo đề cập, nhưng là bằng chứng sống động cho thực trạng nhà thầu Trung Quốc tràn ngập các gói thầu EPC nhiệt điện đốt than. Nhà thầu Trung Quốc chiếm ưu thế cho dù hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu hay đấu thầu rộng rãi quốc tế. Xem xét kỹ, trong 12 hợp đồng nhà thầu Trung Quốc thực hiện, có tới 7 gói thầu là do được chỉ định thầu (với giả định hình thức đấu thầu hạn chế trong số các nhà thầu Trung Quốc là chỉ định thầu cho nhà thầu Trung Quốc và nhà thầu liên danh Marubeni + Đông Phương là nhà thầu Trung Quốc vì nhà thầu Đông Phương là nhà thầu chính thực hiện hợp

đồng). Các con số này cho thấy, 58% nhà thầu Trung Quốc được lựa chọn xây dựng nhà máy nhiệt điện đốt than ở Việt Nam là do được chỉ định thầu; 42% còn lại là do trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi quốc tế⁽¹⁴⁾.

Bức tranh khó hiểu này là một trong những giải thích tại sao các nhà thầu Trung Quốc thắng được nhiều dự án nhiệt và khí điện tại Việt Nam. Và qua những dự án này, các nhà thầu Trung Quốc đã nhận được những lợi ích kinh tế như thế nào.

Nhìn bức tranh đấu thầu dự án thủy điện Việt Nam, tuy có khác so với bức tranh đấu thầu các dự án nhiệt và khí điện, nhưng một phần bức tranh cũng giống bức tranh trên: một số dự án thủy điện Việt Nam cũng do các công ty Trung Quốc trúng thầu.

Công ty Alstom và công ty Hydrochina Zhongnan Engineering (Trung Quốc) giành được hợp đồng trị giá 127 triệu USD với Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) cung cấp thiết bị cơ khí cho nhà máy thủy điện Lai Châu. Giá trị hợp đồng Alstom nhận được là 96,3 triệu USD⁽²⁵⁾. Liên doanh nhà thầu Chiết Giang 1 (Trung Quốc) có hợp đồng tại Nhà máy Thủy điện La Hiêng 2 được xây dựng tại xã Phú Mỹ, huyện Đồng Xuân - Phú Yên do Công ty CP VRG Phú Yên (Tập đoàn Cao su Việt Nam) làm chủ đầu tư với tổng vốn trên 500 tỉ đồng. Sau khi trúng thầu trọn gói từ thiết bị đến thi công Chiết Giang 1, đã đưa hàng trăm lao động nước này sang làm việc⁽²⁶⁾. Công ty TNHH Sinohydro (Trung Quốc) là tổng thầu. Công ty cổ phần Sông Đà 5 là nhà thầu thành viên trong dự án Nhà máy thủy điện Sông Bung 4 nằm trên

dòng Sông Bung thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, có tổng công suất lắp máy 156 MW. Chủ đầu tư dự án là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Dự án có tổng mức đầu tư hơn 4.932 tỷ đồng (tương đương 261 triệu USD). Theo kế hoạch, tổ máy số 1 vận hành vào năm 2013 và hoàn thành toàn bộ công trình vào năm 2014⁽²⁷⁾.

Với Dự án thủy điện Dakr'tih có tổng công suất 144 MW, gồm 4 tổ máy, sản lượng điện dự kiến hơn 600 triệu kWh/năm, tổng vốn đầu tư gần 4.400 tỉ đồng. Để thực hiện DA, năm 2007, Tổng Công ty xây dựng số 1 (CC1) đã tổ chức đấu thầu quốc tế và IWHR (Trung Quốc) trúng thầu gói "cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ - điện chính" với tổng giá trị hợp đồng (HD) là 15,24 triệu USD và 2,64 tỉ đồng⁽²⁸⁾.

Dự án Thủy điện Sáo Chong Hồ là công trình đầu tiên ghi nhận sự hợp tác của ngành điện Việt Nam với ngành điện Trung Quốc trong lĩnh vực thủy điện. Tổng mức đầu tư trên 720 tỉ đồng, trong đó EVN NPC là đại diện góp 51%, số vốn còn lại 49% do phía Công ty Lưới điện Vân Nam (Trung Quốc) đóng góp⁽²⁹⁾.

Ngoài những dự án thủy điện trên, các công ty điện lực Trung Quốc còn tham gia vào một số dự án thủy điện khác nữa. Khi trúng thầu các dự án về điện lực, các công ty Trung Quốc thu về cho mình số lợi ích kinh tế không nhỏ. Có ý kiến cho rằng, trong các gói thầu xây lắp, các nhà thầu Trung Quốc thắng thế tới 50% giá trị gói thầu⁽³⁰⁾. Trong khi đó sự thiệt thòi về mặt kinh tế lại thuộc phía Việt Nam.

Dù nhận định trên đúng hoặc sai, chúng ta vẫn thấy được một sự thật là, những lợi ích kinh tế thuần túy từ việc

trúng thầu và thực hiện dự án điện lực mà các công ty Trung Quốc trúng thầu đều thuộc về phía Trung Quốc. Điều này trực tiếp nói lên rằng, các công ty điện lực Việt Nam đã thua thiệt về mặt kinh tế khi lập dự án và thi công dự án tại nhiều dự án điện lực của Việt Nam, kể cả nhiều dự án nằm trong vùng trọng điểm của Việt Nam.

Sự thiệt thòi về mặt kinh tế đối với ngành điện lực Việt Nam nói riêng và của Việt Nam nói chung còn ở chỗ phần nhiều các dự án điện lực do các công ty Trung Quốc thắng thầu đều để lại những hậu quả kinh tế khác cho Việt Nam.

Trong Quy hoạch Điện VI, hầu hết các dự án bị chậm tiến độ từ 1-3 năm, thậm chí dài hơn. Đặc biệt, nhiều dự án điện do nhà thầu Trung Quốc đảm nhận đều bị chậm tiến độ kéo dài, thậm chí không triển khai được là do năng lực, kinh nghiệm kém. Tiêu biểu như nhiệt điện Hải Phòng 1, 2; Cẩm Phả 1, 2; Quảng Ninh 1, 2; Mạo Khê, Thái Nguyên, Vĩnh Tân 2, Duyên Hải 1... Điều này không chỉ ảnh hưởng đến quá trình triển khai dự án mà còn tác động đến giai đoạn vận hành sau này khi công nghệ và các tiêu chuẩn áp dụng của Trung Quốc không tiên tiến⁽³¹⁾.

Sự chậm trễ, kéo theo đó là những thiệt hại khôn lường về đất đai, nhân lực, tài lực, tất cả chỉ vì "các yêu sách được đáp ứng hết" từ phía nhà thầu Trung Quốc.

Lợi ích kinh tế trong quan hệ năng lượng Trung - Việt còn thể hiện trong việc Trung Quốc được hưởng lợi với tư cách là khách hàng nhập khẩu một số nguồn nguyên, nhiên liệu khác, trong đó có than đá và dầu thô.

Dưới đây là một số thí dụ tiêu biểu về việc Trung Quốc nhập khẩu hai loại nhiên liệu trên.

Năm 2010, than đá là mặt hàng chủ lực xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc. Tháng 3/2010 với 1,4 nghìn tấn, chiếm 75,8% lượng xuất than của cả nước, đạt 91,3 triệu USD, tăng 42,05% về lượng và tăng 43,1% về lượng so với tháng 2/2010. Nếu so với tháng 3/2009 thì lượng xuất khẩu than của Việt Nam sang thị trường tăng 19,83% về trị giá nhưng giảm 19,9% về lượng. Tính chung trong quý I/2010, Trung Quốc đã nhập 3,4 nghìn tấn than, đạt trị giá 214,5 triệu USD, tăng 11,36% về trị giá nhưng giảm 27,8% về lượng so với cùng kỳ năm 2009⁽³²⁾.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc nêu số liệu, lượng than nhập vào Trung Quốc đạt 11 triệu tấn trong tháng 5/2010. Tháng 12 năm 2009, nhập khẩu than đạt kỷ lục 16,4 triệu tấn. Trong tháng 5, giá than nhập vào Trung Quốc đạt bình quân 109 USD/tấn, cao hơn 11% so với tháng 4⁽³³⁾.

Năm 2011 và 2012, Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu than đá lớn nhất của Việt Nam. Năm 2012, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 80% thị phần than đá của Việt Nam. Xuất khẩu than đá sang thị trường này trong tháng 11/2012 đạt 1,56 triệu tấn với kim ngạch xấp xỉ 95 triệu USD⁽³⁴⁾.

Trên thực tế, số lượng than từ Việt Nam xuất qua Trung Quốc còn cao hơn những số liệu nêu trên. Vấn đề là ở chỗ nhiều đơn vị nhập khẩu than của Trung Quốc đã nhập khẩu loại nhiên liệu này không qua đường chính ngạch mà qua đường tiểu ngạch, tại Việt Nam có tên gọi loại than này là than “thô phi” tức loại

than được khai thác trái phép và xuất khẩu trái phép. Không có những con số thống kê chính thức, nhưng tổng số than loại này xuất sang Trung Quốc cũng không nhỏ.

Nguyên nhân cơ bản của kiểu “thương mại” trên là sự “thuận lợi”. Người mua than từ Trung Quốc trả tiền mặt ngay khi nhận được hàng. Những người Việt Nam ưa thích điều này.

Cả trong thương mại chính ngạch lẫn tiểu ngạch, các đơn vị nhập khẩu than của Trung Quốc đều có lợi về mặt kinh tế. Than nhập từ Việt Nam có giá rẻ và rẻ hơn rất nhiều so với việc Trung Quốc phải vận chuyển than nội địa từ những khu vực than từ miền Tây sang cho các khu vực miền Đông và khu vực ven biển của Trung Quốc.

Đối với dầu thô, Trung Quốc cũng là khách hàng lớn của Việt Nam. Quý I/2010, Trung Quốc đã nhập 265,3 nghìn tấn dầu thô từ thị trường Việt Nam⁽³⁵⁾. Tháng 11/2011 xuất khẩu dầu thô của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 1,2 triệu tấn với kim ngạch 984,7 triệu USD⁽³⁶⁾. Trong giai đoạn từ tháng 1 – 10/2012, Việt Nam xuất khẩu 7,8 triệu tấn dầu thô, trong đó xuất sang Trung Quốc 1,13 triệu tấn, chiếm 14,5%⁽³⁷⁾.

Cùng giống như than đá, việc nhập khẩu dầu thô từ Việt Nam đem lại lợi nhuận kinh tế thực sự cho các đơn vị nhập khẩu của Trung Quốc vì chênh lệch giá cả.

Tất cả những điều nêu trên cho thấy khía cạnh năng lượng trong quan hệ Trung - Việt thể hiện rất rõ mối quan hệ năng lượng và kinh tế. Có những nguyên nhân khách quan và chủ quan làm cho mối quan hệ này chưa hài hòa. Điều này

dòi hỏi cả hai phía phải có những giải pháp cụ thể và phù hợp cho tương lai quan hệ hai nước sau này.

3. Năng lượng và an ninh

Mối quan hệ năng lượng và an ninh trong quan hệ Trung- Việt chủ yếu liên quan đến Biển Đông, nơi được cho là có nguồn nguyên nhiên liệu dồi dào, đặc biệt là dầu, khí và băng cháy.

Tuy nhiên, trên đất liền, các dự án nhiệt, khí và thủy điện của Việt Nam do các công ty ngành điện lực Trung Quốc thắng thầu cũng có những vấn đề về an ninh. *Thứ nhất*, nhiều trong số những dự án trên nằm trong vùng trọng điểm của Việt Nam. Tại rất nhiều dự án, phía Trung Quốc đưa người của mình trực tiếp sang làm việc tại Việt Nam. Nhiều trường hợp nhiều người Trung Quốc sang Việt Nam theo kênh này không hợp pháp.

Thứ hai, công nhân Trung Quốc tại nhiều công trình tại Việt Nam còn gây ra nhiều tình trạng làm mất an ninh trật tự nơi có dự án: đánh đập công nhân Việt Nam cùng làm, đánh đập người dân Việt Nam bản địa... Có rất nhiều bài viết gần đây trên báo chí và trang mạng Việt Nam, có thể nêu ví dụ cụ thể là tại Công trình thủy điện La Hiêng 2 tại Phú Yên hay dự án thủy điện Sông Tranh⁽³⁸⁾.

Về khía cạnh an ninh, đã có nhiều kinh nghiệm trên thế giới. Trong giai đoạn quan hệ hai nước bình thường thì những công nhân nước ngoài tại nước bản địa chỉ là những người lao động. Tuy nhiên, trong trường hợp bất thường, khi quan hệ giữa hai nước trở nên căng thẳng, thậm chí diễn ra xung đột, thì những “công nhân bình thường” hàng ngày này sẽ trở thành

những “chiến binh” tại chỗ, giúp sức cho lực lượng khác từ bên ngoài để “trông đánh ra, ngoài đánh vào” gây nhiều khó khăn cho an ninh nước sở tại.

Việt Nam không thể không quan tâm đến khía cạnh an ninh trong vấn đề quan hệ năng lượng với Trung Quốc.

Trở lại với vấn đề an ninh tại Biển Đông liên quan đến khía cạnh năng lượng. Trữ lượng dầu khí, băng cháy tại Biển Đông hiện vẫn là những con số chưa được kiểm định. Những con số về trữ lượng này do những chuyên gia nước ngoài đưa ra ít hơn rất nhiều so với con số trữ lượng do phía Trung Quốc công bố. Tuy nhiên, Trung Quốc coi lượng dầu khí, băng cháy tại Biển Đông là “lợi ích quốc gia” và “tài sản quốc gia” của họ⁽³⁹⁾. Rõ ràng, nguồn nguyên- nhiên liệu nhất là dầu mỏ, khí đốt và băng cháy tại Biển Đông là một trong những nguyên nhân làm Trung Quốc tiến hành chính sách biển và “xây dựng cường quốc biển” tại đây. Đặc biệt vào những thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc thực hiện rất nhiều hành động gây căng thẳng an ninh tại Biển Đông. Đã nhiều lần Trung Quốc phản đối những dự án khai thác chung giữa Việt Nam với các công ty dầu khí nước ngoài khai thác những mỏ dầu khí trong vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam.

Trung Quốc đã từng đem tàu cắt cáp của các tàu thăm dò dầu khí của Việt Nam (tàu Bình Minh II ngày 26-5-2011; tàu Viking II, ngày 9-6-2011) trong khi các tàu này đang tiến hành hoạt động kinh tế bình thường trong vùng biển của Việt Nam.

Tháng 6-2012, Trung Quốc trắng trợn mời thầu nước ngoài khai thác 9 lô dầu khí nằm trong vùng biển thuộc chủ quyền của

Việt Nam. Dư luận quốc tế coi hành động này là “âm mưu độc chiếm Biển Đông” của Trung Quốc, một lần nữa Trung Quốc muốn thể hiện “chủ quyền” trên Biển Đông theo bản đồ tự vẽ ‘đường lưỡi bò’ vô lý của họ.

Gần đây, bất chấp sự phản đối của Trung Quốc, tàu của Ấn Độ đã vào Biển Đông và trong thời gian chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang, Ấn Độ đã ký kết với Việt Nam thỏa thuận khai thác chung tại lô 127 và 128 của Việt Nam trên Biển Đông⁽⁴⁰⁾ là các lô mà hãng dầu British Petroleum của Anh đã phải bỏ chạy trước đây vì bị áp lực quá lớn của Bắc Kinh⁽⁴¹⁾. Trước đó, Nhật Bản đã ủng hộ Ấn Độ khai thác dầu lửa ở Biển Đông⁽⁴²⁾.

Mối liên quan năng lượng và an ninh có nhiều khía cạnh sâu xa. Chúng ta cần nhớ lại vụ Trung Quốc muốn mua Unocal của Mỹ bất thành những năm trước đây.

Unocal đã vào Việt Nam từ năm 1996, và khám phá mỏ khí tự nhiên đầu tiên cho hãng hồi năm 1997. Unocal đã thăm dò ngoài khơi Việt Nam, 3 ô khu vực có tên là Block B, Block 48/95 và Block 52/97. Cộng chung lại, Unocal có quyền khai thác vùng biển Việt Nam rộng 6,473.39 dặm vuông (16,766 kilomet vuông). Unocal đã đầu tư 171 triệu USD vào thăm dò Việt Nam. Vào cuối năm 2002, Unocal đã khoan 14 giếng thăm dò ngoài khơi Nam Việt Nam. Trong đó, 10 giếng có khí đốt khai thác được. Unocal cũng đầu tư vào 2 nhà máy điện Việt Nam, cả 2 đều nằm trong vùng Ô Môn thuộc tỉnh Cần Thơ. Đây là hai nhà máy nhiệt điện, có tên là O Mon 1A và 1B - là 2 xưởng đốt dầu khí để sản xuất khoảng 600 MW điện lực⁽⁴³⁾.

Tài liệu trên cho thấy ý đồ sâu xa của Trung Quốc trong việc kiểm soát Biển Đông và gây ảnh hưởng đến Việt Nam. Nếu làm chủ được Unocal, Trung Quốc có đủ lý do hiện diện tại những khu vực năng lượng do Unocal làm chủ trước đây, trong đó có nhiều khu vực thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Tất cả những hành động trên của Trung Quốc đều là những nguyên nhân gây căng thẳng cho an ninh Đông Á, tại Biển Đông, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh của Việt Nam.

Kết luận

Những năm gần đây quan hệ Trung Quốc - Việt Nam vẫn đang phát triển bình thường. Tuy nhiên, để duy trì và phát triển mối quan hệ này xứng tầm đối tác tin cậy và chiến lược, ban lãnh đạo, các cơ quan và nhân dân hai nước phải cùng nhau giải quyết nhiều vấn đề tồn tại, trong đó có khía cạnh năng lượng.

Khía cạnh năng lượng, trong đó có các dự án nhiệt, khí và thủy điện, nguồn nước, các nguồn than đá, dầu khí, khí đốt, băng cháy... có ý nghĩa rất quan trọng trong quan hệ hai nước. Khía cạnh này liên quan đến một số lĩnh vực quan trọng khác như chính trị, kinh tế và an ninh.

Nếu mỗi bên đặt lợi ích dân tộc, lợi ích của riêng nước mình cao hơn lợi ích của đối tác cố giành lợi thế về mình, bất chấp quy luật thị trường bất chấp luật pháp quốc tế thì kết quả sẽ không được tốt đẹp trong quan hệ song phương hai nước. Trung Quốc và Việt Nam cần tìm kiếm những giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề năng lượng, đặc biệt liên quan đến nguồn này tại Biển Đông.

CHÚ THÍCH:

(1) <http://ngoai.vuhagiang.gov.vn/home/nc79/tintuc-131/Thong-tin-co-ban-ve-trung-quoc-va-quan-he-viet-nam-trung-quoc.html>

(2) <http://www.tgvn.com.vn/Item/VN/xuan2012/2012/1/AD2A336DC3BBD49D/>

(3) <http://nld.com.vn/2011/02/14/10520680p0c1006/trung-quoc-nen-kinh-te-lon-thu-2-the-gioi.htm>

(4) <http://www.baomoi.com/Trung-Quoc-nhap-khau-55-trieu-thung-dau-moi-ngay-trong-thang-3/50/8248451.epi>

(5) <http://nangluongvietnam.vn/news/vn/nhan-dinh-phan-bien-kien-nghi/nhu-cau-nang-luong-cua-trung-quoc-toi-dau-%28ky-1%29.html>

(6) Tài liệu đã dẫn.

(7) <http://songmoi.vn/xa-hoi-thoi-su/bien-dong-tru-luong-dau-khi-truong-sa-lon-hoang-sa-hau-nhu-khong-co>

(8) <http://nghiencuubiendong.vn/toa-dam-hoi-thao/hoi-thao-quoc-te-ve-bien-dong-lan-2-ho-chi-minh-112010/1200-hp-tac-khu-ve-vi-an-ninh-va-phat-trin--bin-ong-quan-im-phi-lip-pin>

(9) http://www.eia.doc.gov/emcu/cabs/South_China_Sea/Background.html

(10) Zhang Yukun and Zhang Hui/ Trich theo: <http://bauvinal.info.free.fr/songngu/cacnhaphantich-haiquantq02.htm>

(11) Peng Guangqian and Yao Youzhi, eds., *The Science of Military Strategy* (Beijing: Military Science Publishing House, 2005), p. 441 <http://bauvinal.info.free.fr/songngu/cacnhaphantich-haiquantq02.htm#http://bauvinal.info.free.fr/songngu/cacnhaphantich-haiquantq02.htm>

(12) <http://vtc.vn/2-288103/xa-hoi/trung-quoc-them-khat-mo-dau-bien-dong-viet-nam.htm>

(13) <http://nghiencuubiendong.vn/tong-quan-ve-bien-dong/504-bien-ong-ia-chien-lc-va-tiem-nng>

(14) <http://songmoi.vn/xa-hoi-thoi-su/bien-dong-tru-luong-dau-khi-truong-sa-lon-hoang-sa-hau-nhu-khong-co>

(15) <http://www.thanhvien.com.vn/pages/2012/0531/bang-chay-nguon-nang-luong-khong-lo.aspx>

(16) <http://www.toquoc.gov.vn/Thongtin/O-Cua-Chau-A/Toan-Tinh-Cua-Trung-Quoc-Va-Dai-Loan-Ve-Dau-Khi-Bien-Dong.html>

(17) <http://vietlandnews.net/forum/showthread.php/12207-B%CC%A0-Trung-Qu%E1%BB%91c-k%C3%AAu-g%E1%BB%8Di-%C4%91%C3%A1nh-Vi%E1%BB%87t-Nam-Philippines;http://www.vietnamplus.vn/Home/Tuong-Trung-Quoc-doa-cho-Viet-Nam-mot-bai-hoc/20116/95027.vnplus>

(18) <http://www.tinmoi.vn/Trung-Quoc-voi-tuong-chi-phoi-hang-hai-the-gioi-09156125.html>

(19) <http://www.viet.rfi.fr/chau-a/20130218-trung-quoc-tu-cho-la-chu-nhan-dau-hoa-tai-bien-dong>

(20) <http://www.tonghoixaydungvn.org/Default.aspx?Tab=448&Tinso=5860>

(21) <http://www.tonghoixaydungvn.org/default.aspx?Tab=301&Tinso=4198>

(22) <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2011-06-17-khi-hau-het-cac-goi-thau-epc-vaoy-tay-trung-quoc>

(23) http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2010/05/100512_china_powerplant.shtml; <http://gmjxvqo.vietinfo.cz/tin-tuc/tq-tha%CC%81ng-tha%CC%80u-trong-du%CC%A3-a%CC%81n-nhie%CC%A3t-die%CC%A3n-vu%CC%83ng-a%CC%81ng.html>

(24) http://muasamcong.mpi.gov.vn:8082/NEWS/EP_COJ_NEW005.jsp?newsId=83

(25) <http://gafin.vn/20130111061459227p0c33/alstom-tiep-tuc-trung-thau-thuy-dien-lai-chau.htm>

(26) <http://hn.m.24h.com.vn/tin-tuc-trong-ngay/ngan-ngam-lao-dong-tq-tai-viet-nam-c46a526159.html>; <http://www.viendongdaily.com/van-nan-lon-ve-nguoi-lao-dong-trung-quoc-tai-viet-nam-feMrRuva.html>

(27) <http://songda5.com.vn/NewDetail.aspx?id=417>

(28) <http://www.anninhthudo.vn/Kinh-doanh/Nha-thau-Trung-Quoc-i-ach-be-boi-va-gio-chung/456737.antd>

(29) <http://npc.com.vn/View/tabid/56/id/1436/Default.aspx>

(30) <http://www.tonghoixaydungvn.org/Default.aspx?Tab=448&Tins=5860>

(31) <http://www.baomoi.com/Hang-loat-du-an-dien-cua-nha-thau-Trung-Quoc-cham-tien-do/148/7246062.epi>

(32) <http://www.thuongmai.vn/than-da-viet-nam/28278-thang-32010-than-da-la-mat-hang-xuat-khau-chu-luc-cua-viet-nam-sang-thi-truong-trung-quoc.html>

(33) <http://www.thuongmai.vn/than-da-viet-nam/77878-xuat-khau-than-da-chiem-1531-trong-tong-kim-ngach-sang-thi-truong-trung-quoc-7-thang-2010.html>

(34) http://pvcoal.com.vn/content/layout/detail-layout/content_node/257-xuat-khau-than-da-se-tiep-tuc-tang-trong-thoi-gian-toi

(35) <http://www.thuongmai.vn/than-da-viet-nam/28278-thang-32010-than-da-la-mat-hang-xuat-khau-chu-luc-cua-viet-nam-sang-thi-truong-trung-quoc.html>

(36) <http://dddn.com.vn/2011/12/15/23332721-car203/xuat-khau-dau-tho-cua-viet-nam-11-thang-dau-nam-2011-tang-ca-ve-luong-va-tri-gia.htm>

(37) http://tiptcialai.vn/News_detail.asp?ID=4&nID=1328

(38) <http://vietnamnet.vn/vn/ban-doc-phap-luat/112392/lam-gi-khi--lao-dong-trung-quoc-nao-loan-que-ngheo-.html>

(39) <http://infontet.vn/The-gioi/Tuyen-bong-ngong-cuong-Dau-o-Bien-Dong-la-tai-san-cua-Trung-Quoc/60750.info>; <http://dantri.com.vn/the-gioi/trung-quoc-tu-nhan-dau-o-bien-dong-la-tai-san-quoc-gia-697954.htm>

(40) <http://vn.news.yahoo.com/trung-qu%E1%BB%91c-ph%E1%BA%A3n-%C4%91%E1%BB%91i-%E1%BA%A5n-%C4%91%E1%BB%99-khai-th%C3%A1c-003100931.html>; <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/39696/tq-canh-bao-an-do-khong-khai-thac-dau-o-bien-dong.html>; <http://baobinhphuoc.com.vn/newsdetails.aspx?newsid=3674>

(41) <http://saohomsaomai.wordpress.com/2011/09/22/nh%E1%BA%ADt-%E1%BB%A7ng-h%E1%BB%99-%E1%BA%A5n-d%E1%BB%99-khai-thac-d%E1%BA%A7u-khi-bi%E1%BB%83n-dong/>

(42) Nhật Bản ủng hộ Ấn Độ khai thác dầu khí ở biển Đông. <http://tuoitre.vn/The-gioi/457125/Nhat-Ban-ung-ho-An-Do-khai-thac-dau-khi-o-bien-Dong.html>

(43) Đỗ Minh Cao. An ninh Biển Đông nhìn từ tranh chấp lợi ích kinh tế giữa các nước liên quan. Tạp chí Quan hệ quốc phòng, số 12. - Tr. 59-65. - 2010

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Minh Cao. *Nhân tố năng lượng trong hợp tác phát triển hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, trong: Hợp tác phát triển hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, vai trò của tỉnh Lào Cai (Kỷ yếu hội thảo)*. - H. : KHXH, 2006. - Tr. 199-214

2. Đỗ Minh Cao. *Chiến lược năng lượng của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc. 2005 tháng 10. - Số 5 (63). - Tr. 25-32

3. Đỗ Minh Cao. *Trung Quốc và an ninh Biển Đông*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á. 2009 tháng 2. - Số 2 (96). - Tr. 9-22

4. Đỗ Minh Cao. *An ninh Biển Đông nhìn từ tranh chấp lợi ích kinh tế giữa các nước liên quan*. Tạp chí Quan hệ quốc phòng, số 12. - Tr. 59-65. - 2010

5. Đỗ Minh Cao. *Nhân tố Trung Quốc trong quan hệ an ninh vùng biển châu Á - Thái Bình Dương*. Tạp chí Quan hệ quốc phòng, số 14. - Tr. 40-45. - 2011

6. Đỗ Minh Cao. *Ý nghĩa địa chính trị của Biển Đông*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc. Số 6. 2012. Tr. 69-82.

7. Đỗ Minh Cao. *Sự can dự và hợp tác an ninh của Trung Quốc trong khu vực Đông Á*. Tạp chí Quan hệ quốc phòng, ISSN 1859-3739- số 20 - tr. 48-54, 2012.

8. Đỗ Minh Cao. *Ý nghĩa địa chiến lược của Biển Đông trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc. ISSN- 0868 3670. - số 11 (135). - Tr. 58-67- 2012